

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH HẬU GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**  
**KHÓA X KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*  
*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*  
*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*  
*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*  
*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*  
*Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên đang học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 (đính kèm phụ lục).

**Điều 3.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 4.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2022. / *ghe*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TPHCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *ghe*

**CHỦ TỊCH****Trần Văn Huyền**

**Phụ lục**  
**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON,  
 GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN  
 TỈNH NAM HỒC 2022 - 2023 ĐẾN NĂM HỌC 2025 - 2026  
 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022  
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

1. Mức học phí tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026.

*ĐVT: Đồng/học sinh/tháng*

STT	Năm học	Học phí		
		Khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố)	Khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố)	Vùng dân tộc thiểu số
<b>1. Cấp mầm non</b>				
a	2022 - 2023	300.000	100.000	50.000
b	2023 - 2024	314.000	105.000	52.000
c	2024 - 2025	328.000	110.000	54.000
d	2025 - 2026	343.000	115.000	56.000
<b>2. Cấp tiểu học</b>				
a	2022 - 2023	300.000	100.000	50.000
b	2023 - 2024	314.000	105.000	52.000
c	2024 - 2025	328.000	110.000	54.000
d	2025 - 2026	343.000	115.000	56.000
<b>3. Cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên</b>				
a	2022 - 2023	300.000	100.000	50.000
b	2023 - 2024	314.000	105.000	52.000
c	2024 - 2025	328.000	110.000	54.000
d	2025 - 2026	343.000	115.000	56.000
<b>4. Cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên</b>				
a	2022 - 2023	300.000	200.000	100.000

b	2023 - 2024	314.000	209.000	105.000
c	2024 - 2025	328.000	218.000	110.000
d	2025 - 2026	343.000	228.000	115.000

2. Đối với các trường có phân hiệu, điểm phụ, mức học phí được xác định tại các địa điểm học tập của học sinh.

3. Trường hợp học trực tuyến (học online) thì mức học phí bằng 50% mức thu mức học phí theo từng cấp học quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); Không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học. Đối với các tháng có thời gian học thực tế (bao gồm cả thời gian dạy học trực tuyến, bố trí học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau:

a) Thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu 1/2 tháng;

b) Thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng.

5. Các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng thụ hưởng và nội dung không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

6. Mức học phí đối với cấp Tiểu học tại khoản 1 Điều này là mức để làm căn cứ hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định./.